

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

THÔNG CAO

của Hội đồng Nhà nước.

Ngày 26 và 27 tháng 5 năm 1982, Hội đồng Nhà nước đã họp phiên thường lệ dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Trường-Chinh.

Tham dự phiên họp có Chủ tịch Hội đồng dân tộc Hoàng Trường Minh.

1. Hội đồng Nhà nước đã nghe Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch báo cáo về cuộc đi thăm Liên-xô, Cộng hòa dân chủ Đức, Cộng hòa Ấn-độ và một số nước Tây Bắc Âu.

Hội đồng Nhà nước nhiệt liệt hoan nghênh kết quả tốt đẹp của cuộc đi thăm vừa qua của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ta. Cuộc đi thăm đã thắt chặt thêm tình đoàn kết hữu nghị anh em và sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên-xô, Việt Nam và Cộng hòa dân chủ Đức, tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Cộng hòa Ấn-độ, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam với các nước Tây Bắc Âu, góp phần vào sự nghiệp hòa bình và ổn định ở Đông-nam châu Á.

2. Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước đã quyết định bổ nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ta tại một số nước.

3. Hội đồng Nhà nước đã nghe Chủ tịch Hội đồng dân tộc Hoàng Trường Minh báo cáo về cuộc đi thăm và nghiên cứu tình hình ở hai tỉnh Đắc Lắc và Gia Lai - Kon Tum của đoàn đại biểu Hội đồng dân tộc của Quốc hội.

4. Sau khi nghe đồng chí Phạm Hưng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, và đồng chí Trần Lê, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo, Hội đồng Nhà nước đã thảo luận và cho ý kiến về công tác của hai ngành này.

5. Hội đồng Nhà nước đã quyết định triệu tập kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khóa VII vào hạ tuần tháng 6 năm 1982.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH số 97-HĐBT ngày 29-5-1982 về chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản.

Nước ta có khả năng lớn về nuôi trồng thủy sản. Trong những năm qua nghề nuôi trồng thủy sản đã được phát triển nhưng không đều, chưa mạnh, năng suất còn thấp, sản lượng thu được chưa xứng với khả năng. Việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản chưa được coi trọng. Nhà nước chưa có chính sách phù hợp để khuyến khích nghề nuôi trồng thủy sản phát triển.

Đề khuyến khích và giúp đỡ hợp tác xã, nhân dân và cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội, v.v... đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác và bảo vệ thủy sản nhằm tạo ra nguồn thực phẩm phong phú, cải thiện đời sống bộ đội, cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân, cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu, Hội đồng bộ trưởng quy định một số chính sách như sau.

1. QUAN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI MẶT NƯỚC

1. Quy định chung.

Tất cả các loại mặt nước như ao, hồ, sông ngòi, kênh rạch, bãi triều, đầm, phá, eo, vịnh, v.v... đều thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý và giao cho tập thể hoặc cá nhân sử dụng vào mục đích nuôi trồng, khai thác thủy sản và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đơn vị

và cá nhân sử dụng mặt nước phải đăng ký với chính quyền địa phương. Mặt nước thuộc phạm vi cấp nào do cấp đó quản lý. Mặt nước lớn liên xã, liên huyện do Ủy ban nhân dân huyện và tỉnh quyết định việc giao quyền quản lý và tổ chức sản xuất. Mặt nước liên tỉnh và mặt nước trong phạm vi cơ quan, xí nghiệp trung ương đóng, do bộ trưởng Bộ Thủy sản chủ trì cùng các ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan bàn bạc quyết định việc quản lý và tổ chức sản xuất.

2. Khuyến khích sử dụng mặt nước.

a) Tất cả các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị quân đội, v.v... hiện đang sử dụng các loại mặt nước, dù là nước ngọt, nước lợ, nước mặn, đều phải có kế hoạch nuôi trồng các loại thủy sản thích hợp, không được để hoang hóa. Nếu để hoang hóa từ một năm trở lên, thì Ủy ban nhân dân các cấp giao cho đơn vị khác sử dụng (trừ diện tích thuộc khu vực cấm không thể giao cho đơn vị khác).

Bộ Thủy sản và chính quyền các cấp có trách nhiệm tập trung chỉ đạo phát triển nuôi cá, tôm ở các vành đai thực phẩm quanh thành phố và khu công nghiệp lớn để cung cấp thêm thực phẩm tại chỗ, đồng thời phải có kế hoạch từng bước phát triển nuôi trồng thủy sản ở hầu hết các mặt nước còn hoang hóa.

Đối với những ao, hồ nhỏ, phân tán trước đây do chính quyền hoặc hợp tác xã quản lý, sử dụng nếu kinh doanh không có hiệu quả thì phải giao lại cho các tổ, đội hoặc cho gia đình xã viên sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

Trên diện tích ruộng cấy lúa nước, các tổ, đội hoặc gia đình nhận mức khoán với hợp tác xã, tập đoàn sản xuất được kết hợp nuôi cá và trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện mức khoán, người sản xuất được hưởng toàn bộ sản phẩm cá thu được.

b) Các đơn vị quân đội, cơ quan, xí nghiệp, trường học, v.v... có công khai hoang các mặt nước để nuôi trồng thủy sản thì được sử dụng mặt nước đó lâu dài; cá nhân khai hoang các mặt nước được sử dụng trong 10 năm. Các đơn vị và cá nhân có công phục hóa các mặt nước để nuôi trồng thủy sản thì được sử dụng trong 7 năm. Trong thời hạn nói trên người có công khai hoang, phục hóa mặt nước được sử dụng toàn bộ sản phẩm thủy sản do mình nuôi trồng. Sau thời hạn nói trên, nếu đơn vị chủ quản hoặc chính quyền địa phương chưa sử dụng thì người khai hoang, phục hóa vẫn được tiếp tục sử dụng; nếu đơn vị chủ quản hoặc chính quyền địa phương có nhu cầu sử dụng mặt nước đã khai hoang, phục hóa thì phải bàn bạc và trả thù lao cho người đã có công khai hoang, phục hóa. Các đơn vị và cá nhân khai hoang, phục hóa mặt nước khi không sử dụng phải giao lại cho chính quyền địa phương.

c) Các địa phương được phép chuyển các diện tích ruộng cấy lúa thu hoạch bắp bênh mà chưa có điều kiện cải tạo để cấy lúa ổn định sang nuôi trồng thủy sản nếu xét thấy có lợi hơn. Việc chuyển hướng sản xuất này do Ủy ban nhân dân huyện quyết định đối với diện tích dưới 1 hecta của mỗi xã và do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với diện tích trên 1 hecta của mỗi xã, trên nguyên tắc không làm giảm bớt nghĩa vụ lương thực của huyện và tỉnh.

II. SẢN XUẤT CÁC LOẠI GIỐNG THỦY SẢN

1. Bộ Thủy sản có trách nhiệm tuyển chọn, lai tạo, sản xuất các loại giống thủy sản thuần chủng nhất là giống cá, tôm và phân công giúp đỡ các địa phương sản xuất giống thương phẩm, chú trọng bảo đảm chất lượng con giống, bảo đảm cơ cấu giống thích hợp cho từng vùng, từng loại mặt nước. Bộ Thủy sản có trách nhiệm hướng

dẫn các tỉnh, huyện xây dựng quy hoạch và kế hoạch nuôi trồng thủy sản, tổ chức hệ thống trạm, trại cá giống và chỉ đạo việc khai thác hợp lý nguồn giống tự nhiên, nhằm cung cấp rộng rãi và thỏa mãn nhu cầu giống cho mỗi huyện, xã.

2. Nhà nước cho phép tự do lưu thông các loại con giống thủy sản. Tư thương buôn bán cá giống phải đăng ký và nộp thuế. Kế hoạch xuất khẩu và nhập khẩu các loại giống thủy sản ra nước ngoài và từ nước ngoài vào do Bộ Thủy sản thống nhất quản lý chỉ đạo và phải theo đúng thủ tục quản lý ngoại thương. Việc vận chuyển cá giống giữa hai miền Bắc, Nam phải theo kế hoạch do Bộ Thủy sản thông qua.

3. Những cơ sở sản xuất giống thủy sản được bán sản phẩm giống theo giá do Bộ Thủy sản và Ủy ban Vật giá Nhà nước hướng dẫn. Giá cá giống được xác định theo nguyên tắc bảo đảm chi phí sản xuất và có lãi thích đáng cho người sản xuất.

4. Ngoài các loại thủy sản như cá, tôm để làm nguồn thực phẩm, các loại cá cảnh cũng được khuyến khích phát triển nhằm phục vụ nhu cầu trong nước và nhất là để xuất khẩu. Người sản xuất cá cảnh được bán theo giá thỏa thuận.

5. Bộ Thủy sản có trách nhiệm xây dựng các cơ sở sản xuất các loại thuốc cho cá để và thuốc tăng trưởng cá, thống nhất quản lý chất lượng và kế hoạch phân phối thuốc. Các đơn vị sản xuất các loại thuốc cho cá phải chịu sự quản lý của Bộ Thủy sản.

III. SẢN XUẤT THỨC ĂN CHO CÁ

1. Các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất được sử dụng một phần đất dành cho chăn nuôi để sản xuất thức ăn cho cá và phải làm nghĩa vụ bằng sản phẩm chăn nuôi với Nhà nước trên diện tích đó.

2. Nhà nước khuyến khích tận dụng các nguồn phế liệu trong sản xuất để làm thức ăn nuôi cá.

Đối với các loại thức ăn tinh như chất bột, phân lân, phân đạm... dùng cho các cơ sở sản xuất giống cá, tôm do trung ương quản lý sẽ được Nhà nước cân đối trong kế hoạch cung ứng hàng năm. Các nhu cầu nói trên của các đơn vị trực thuộc địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cân đối.

IV. ĐẦU TƯ VỐN, CUNG ỨNG VẬT TƯ VÀ THU MUA SẢN PHẨM THỦY SẢN

1. **Đầu tư vốn:** Nhà nước đầu tư vốn cho phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng kết hợp giữa trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm theo quy hoạch, kế hoạch và bước đi thích hợp, cụ thể là:

a) **Vốn ngân sách** chỉ đầu tư xây dựng các trạm, trại giữ giống thuần chủng, các cơ sở sản xuất kiểu mẫu và đầu tư có trọng điểm.

Tỉnh và huyện sử dụng ngân sách địa phương và huy động vốn trong nhân dân để xây dựng các cơ sở nuôi trồng thủy sản do địa phương quản lý.

b) **Vốn tín dụng:** Ngân hàng Nhà nước cho vay vốn tín dụng cho các dự án phát triển nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cải tạo, hoàn chỉnh các trại giống, các cơ sở sản xuất cá thịt, sản xuất các thủy sản xuất khẩu, xây dựng cơ sở chế biến thức ăn cho cá, sản xuất các công cụ chuyên dùng cho nghề nuôi trồng và khai thác thủy sản. Các dự án vay vốn phải bảo đảm có hiệu quả kinh tế; các dự án có hiệu quả kinh tế cao được ưu tiên giải quyết vốn tín dụng.

2. **Cung ứng vật tư và thu mua sản phẩm thủy sản:**

a) Việc cung ứng vật tư cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản phải gắn liền với thu mua sản phẩm. Mức sản phẩm bán cho

Nhà nước phải tương ứng với mức cung ứng những vật tư cần thiết cho cơ sở sản xuất và theo giá chỉ đạo. Phần sản phẩm vượt mức hợp đồng được Nhà nước mua theo giá thỏa thuận hoặc người sản xuất được tự do lưu thông trên thị trường.

Các đơn vị nuôi trồng thủy sản đề xuất khâu được hưởng các chính sách khuyến khích xuất khẩu mà Nhà nước đã ban hành.

b) Nhà nước khuyến khích tập thể, tư nhân khai thác nguyên liệu địa phương để sản xuất vật tư chuyên dùng phục vụ cho nuôi trồng thủy sản. Cơ sở sản xuất được chính quyền địa phương cấp giấy phép đăng ký hành nghề, sản phẩm làm ra được tiêu thụ theo giá kinh doanh.

V. THUẾ VÀ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM NGHỀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

1. Thuế: Đề khuyến khích nghề nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh mẽ và bảo đảm thu nhập hợp lý, Hội đồng bộ trưởng giao cho bộ trưởng Bộ Tài chính cùng với bộ trưởng Bộ Thủy sản phối hợp với các ngành có liên quan nghiên cứu, vận dụng chính sách, thuế trong nông nghiệp để hướng dẫn mức thu thuế và miễn thuế hợp lý cho từng loại nghề trong ngành nuôi trồng và khai thác thủy sản.

2. Chế độ đối với người làm nghề nuôi trồng thủy sản.

Hội đồng bộ trưởng giao cho bộ trưởng Bộ Lao động cùng bộ trưởng Bộ Thủy sản nghiên cứu quy định các chế độ phụ cấp, bồi dưỡng vật chất, trang bị phòng hộ lao động, v.v... cho những người làm các công việc nặng nhọc trong các cơ sở quốc doanh nuôi trồng thủy sản.

VI. KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Các ngành, các cấp phải hết sức coi trọng và có kế hoạch bảo vệ các nguồn lợi thủy sản. Cụ thể là:

1. Tăng cường giáo dục để xóa bỏ tập quán lạc hậu của nền kinh tế tự nhiên còn rớt rỏi trong nhân dân coi cá là của chung, tha hồ đánh bắt mà không bảo vệ.

2. Nghiêm cấm việc dùng và thải các chất độc, dùng điện, dùng chất nổ... để đánh bắt và giết hại các loại thủy sản. Việc vớt cá bột trên sông phải theo quy định của ngành thủy sản. Cấm đánh bắt và giết hại cá con và các loại thủy sản đang thời kỳ sinh đẻ, nhất là ở các khu vực đã được quy định. Bộ Thủy sản phải ban hành các quy định cụ thể về việc này.

3. Phòng trị bệnh cá, cấm vận chuyển cá ở vùng đang có dịch bệnh sang vùng khác. Vùng đang có dịch bệnh cá phải sinh, các cấp chính quyền địa phương có trách nhiệm trị bệnh cho cá ngay và báo cáo kịp thời cho Bộ Thủy sản. Ngành thủy sản có trách nhiệm tổ chức việc bảo vệ phòng dịch cho cá như phòng dịch cho gia súc.

4. Khuyến khích toàn dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản và kịp thời phát hiện, tố giác các hành vi phá hoại. Người phát hiện, tố giác được khen thưởng thích đáng và được pháp luật bảo vệ, mọi hành động trả thù đều bị nghiêm trị, người vi phạm bị xử phạt theo pháp luật hiện hành.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bộ Thủy sản cùng các Bộ, các ngành có liên quan và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành, đặc khu có trách nhiệm hướng dẫn và triển khai thi hành quyết định này. Các ngành thông tin văn hóa có nhiệm vụ phối hợp với ngành thủy sản

tuyên truyền giáo dục, động viên mọi người thực hiện tốt chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản.

Quyết định này có giá trị thi hành kể từ ngày ký.

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH số 148-CT ngày 21-5-1982 về việc thống nhất quản lý phát hành xổ số kiến thiết.

Việc phát hành xổ số dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là một hình thức động viên những đóng góp nhỏ của nhân dân thành nguồn vốn lớn nhằm xây dựng các công trình phúc lợi công cộng như bệnh viện, trường học, nhà văn hóa, công trình thể dục thể thao... Nhiều tỉnh, thành phố đã phát hành xổ số kiến thiết. Việc phát hành xổ số được nhân dân tham gia rộng rãi và đã góp phần tăng thu cho tài chính. Tuy nhiên vì thiếu sự quản lý thống nhất và chỉ đạo thiếu chặt chẽ cho nên đã để xảy ra tình trạng sử dụng tùy tiện khoản thu xổ số, tham ô, một số phần tử xấu lợi dụng gây tâm lý cờ bạc.

Đề phát huy tác dụng tích cực và ngăn ngừa tiêu cực trong việc phát hành xổ số, Hội đồng bộ trưởng quyết định:

1. Công tác phát hành xổ số phải được kế hoạch hóa. Khoản thu về xổ số phải

phản ánh đầy đủ vào kế hoạch thu của ngân sách địa phương và phải cân đối vào kế hoạch chi của ngân sách địa phương nhằm xây dựng các công trình phúc lợi công cộng. Nếu còn dư, ngân sách Nhà nước được huy động để cân đối cho các nhu cầu chi khác đã được ghi trong ngân sách địa phương.

2. Bộ Tài chính có nhiệm vụ tổ chức in, phát hành tất cả các loại vé xổ số, bao gồm loại vé chung cho cả nước và loại vé riêng cho từng địa phương. Ngoài Bộ Tài chính ra, không một cơ quan nào được in và phát hành vé xổ số.

3. Giá vé và quy chế về giải thưởng do Bộ Tài chính quy định cụ thể theo từng thời gian.

4. Số tiền bán vé xổ số phải nộp vào ngân sách Nhà nước ít nhất 50%.

Chi phí cho bộ máy quản lý, in vé, tuyên truyền cổ động, trả hoa hồng cho người đại lý bán vé... tối đa không quá 10% tiền bán vé.

5. Quay thưởng nhiều nhất là 1 kỳ trong một tuần.

6. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Văn hóa có nhiệm vụ bảo đảm cung cấp đủ giấy in vé xổ số theo kế hoạch phát hành của Bộ Tài chính.

7. Bộ Tài chính có nhiệm vụ tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành quyết định này.

8. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1982.

Tất cả các văn bản đã ban hành trước đây về xổ số kiến thiết đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 1982

K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

Phó chủ tịch

TỔ HỮU